

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 75/2006/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế cho vay đối với hộ nghèo
thuộc nguồn vốn địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ và tổ chức hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 220 /NHCS-KHNV ngày 15/6/2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cho vay đối với hộ nghèo thuộc nguồn vốn địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh Quảng Ngãi, thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Giám đốc chi nhánh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Về cho vay đối với hộ nghèo thuộc nguồn vốn địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 75/2006/QĐ-UBND

ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này điều chỉnh hoạt động cho vay vốn đối với hộ nghèo thuộc nguồn vốn địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng của Quy chế này là Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi, các Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện và các tổ chức nhận ủy thác cho vay của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây gọi tắt là bên cho vay) và khách hàng vay vốn là các hộ nghèo.

Điều 2. Mục đích cho vay

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay ưu đãi đối với hộ nghèo nhằm giúp các hộ nghèo vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm, ổn định xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc vay vốn

1. Hộ nghèo vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích.
2. Hộ nghèo được vay vốn phải trả đủ nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã thỏa thuận.

Điều 4. Nguồn vốn cho vay

Nguồn vốn cho vay được trích một phần từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách hàng năm của tỉnh và các huyện, thành phố chuyển sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp để cho vay đối với các hộ nghèo.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CHO VAY

Điều 5. Điều kiện để được vay vốn

1. Hộ nghèo vay vốn phải có địa chỉ cư trú hợp pháp và phải có trong danh sách hộ nghèo được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo tiêu chuẩn nghèo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội công bố theo từng thời điểm, phải là thành viên của Tổ tiết kiệm và vay vốn và được Tổ tiết kiệm và vay vốn bình xét, lập thành danh sách có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Những đối tượng sau đây không thuộc diện xét vay vốn tại Quy chế này: Hộ nghèo thuộc diện chính sách xã hội như: già cả neo đơn, tàn tật, mất khả năng lao động; thiếu ăn do ngân sách nhà nước trợ cấp, những hộ độc thân đang thi hành án hoặc phải thực hiện các nghĩa vụ về tài sản theo quyết định hoặc bản án đã có hiệu lực pháp luật, những hộ nghèo mà Ủy ban nhân dân cấp xã loại ra khỏi danh sách vay vốn vì mắc tệ nạn cờ bạc, nghiện hút, lười lao động.

Điều 6. Việc sử dụng vốn vay

Vốn vay được sử dụng vào các việc sau:

1. Vốn vay để sản xuất, kinh doanh:

a. Mua sắm các loại vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp: Giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn gia súc, gia cầm...

b. Mua sắm các công cụ lao động nhỏ như: cày, bừa, cuốc, thuổng, bình phun thuốc...

c. Các chi phí thuê lao động như: thuê làm đất, bơm nước, dịch vụ thú y, bảo vệ thực vật ...

d. Đầu tư làm các nghề thủ công trong hộ gia đình như: mua nguyên vật liệu sản xuất, công cụ lao động thủ công, máy móc nhỏ...

e. Đầu tư nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy hải sản quy mô nhỏ

g. Góp vốn thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh của cộng đồng được chính quyền địa phương cho phép thực hiện.

2. Vốn vay để cải thiện chỗ ở.

Cho vay đối với hộ nghèo để sửa chữa lại nhà ở bị hư hại, dột nát. Vốn vay được sử dụng vào việc mua sắm nguyên vật liệu xây dựng, chi trả tiền công thuê lao động.

3. Vốn vay giải quyết nhu cầu về điện sinh hoạt.

a. Vốn vay dùng để chi phí lắp đặt đường dây dẫn điện từ mạng chung của thôn, xã tới hộ vay như: Cột, dây dẫn, thiết bị thấp sáng.

b. Cho vay để góp vốn vào việc xây dựng các dự án: Thủy điện nhỏ, điện dùng sức gió, năng lượng mặt trời hoặc mua máy phát điện cho một nhóm hộ gia đình ở nơi chưa có điện lưới quốc gia.

Điều 7. Loại cho vay và thời hạn cho vay

1. Loại cho vay:

a. Cho vay ngắn hạn: là các khoản vay có thời hạn cho vay đến 12 tháng.

b. Cho vay trung hạn: là các khoản vay có thời hạn cho vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng.

2. Thời hạn cho vay

Bên cho vay và hộ vay thỏa thuận về thời hạn cho vay căn cứ vào các nội dung sau:

a. Mục đích sử dụng vốn vay;

b. Chu kỳ sản xuất kinh doanh (đối với cho vay sản xuất, kinh doanh, dịch vụ);

c. Khả năng trả nợ của hộ vay;

d. Nguồn vốn cho vay của các Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 8. Lãi suất cho vay

Lãi suất cho vay ưu đãi và lãi suất nợ quá hạn áp dụng đối với cho vay hộ nghèo do Ngân hàng Chính sách xã hội ấn định chung trong phạm vi cả nước, phù hợp với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

Ngoài lãi suất cho vay, hộ nghèo vay vốn không phải trả thêm bất kỳ một khoản phí nào khác.

Điều 9. Phương thức cho vay

Việc cho vay áp dụng phương thức cho vay từng lần. Mỗi lần vay vốn, hộ nghèo và bên cho vay thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết theo qui định tại Quy chế này.

Điều 10. Mức cho vay

Mức cho vay đối với từng hộ nghèo được xác định căn cứ vào: Nhu cầu vay vốn, nguồn vốn huy động được và khả năng hoàn trả nợ của hộ vay. Mỗi hộ có thể vay vốn một hay nhiều lần nhưng tổng dư nợ không vượt quá mức dư nợ cho vay tối đa đối với một hộ nghèo do Ban đại diện Hội đồng quản trị Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh quyết định và công bố trong từng thời kỳ theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mức cho vay được áp dụng hiện nay:

1. Mức cho vay thông thường đối với một hộ nghèo 7 triệu đồng. Riêng một số trường hợp cho vay cụ thể sau đây được nâng mức cho vay tối đa đến 10 triệu đồng/hộ: chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò) sinh sản, lấy thịt, lấy sữa; trồng cây lâu năm (cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lâm nghiệp); nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản.

2. Mức cho vay 15 triệu đồng/hộ (tính cả dư nợ cũ) được áp dụng đối với những hộ nghèo nằm trong vùng quy hoạch của địa phương đầu tư vào dự án chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò) sinh sản, lấy thịt, lấy sữa; trồng cây lâu năm (cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lâm nghiệp); nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản.

Điều 11. Bộ hồ sơ cho vay

1. Bộ hồ sơ cho vay được Ngân hàng Chính sách xã hội cấp miễn phí và thống nhất in sẵn trên phạm vi toàn quốc.

2. Danh mục hồ sơ cho vay, lập hồ sơ cho vay và lưu giữ hồ sơ cho vay theo quy định về nghiệp vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 12. Qui trình và thủ tục cho vay

1. Hộ nghèo đủ điều kiện vay vốn quy định tại Điều 5 Quy chế này có nhu cầu vay vốn thì viết giấy đề nghị vay vốn gửi Tổ tiết kiệm và vay vốn mà mình là thành viên.

2. Khi nhận được giấy đề nghị vay vốn của hộ nghèo gửi, Tổ tiết kiệm và vay vốn tổ chức họp tổ để bình xét những hộ nghèo đủ điều kiện vay vốn và lập danh sách những hộ nghèo đề nghị vay vốn kèm theo giấy đề nghị vay vốn của tổ viên trình Ủy ban nhân dân cấp xã. Ban xóa đói giảm nghèo xã, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận các hộ xin vay đúng là những hộ thuộc diện nghèo theo qui định hiện đang cư trú hợp pháp tại xã.

3. Tổ tiết kiệm và vay vốn có trách nhiệm gửi danh sách hộ nghèo xin vay vốn đã được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tới bên cho vay để làm thủ tục phê duyệt cho vay và nhận thông báo danh sách các hộ được phê duyệt. Đồng thời thông báo

kết quả phê duyệt danh sách hộ được vay, lịch giải ngân và địa điểm giải ngân tới các hộ xin vay vốn.

4. Cán bộ tín dụng của bên cho vay tập hợp giấy đề nghị vay vốn và danh sách hộ nghèo xin vay vốn đã được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận do Tổ tiết kiệm và vay vốn gửi tới, kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của bộ hồ sơ vay vốn để trình thủ trưởng xem xét phê duyệt cho vay. Thời gian xem xét phê duyệt cho vay đối với danh sách hộ nghèo vay vốn là không quá 5 ngày làm việc.

Trường hợp người vay không có đầy đủ thủ tục vay vốn theo qui định thì cán bộ tín dụng trả lại hồ sơ và hướng dẫn người vay làm lại hồ sơ và thủ tục theo qui định.

5. Sau khi danh sách hộ nghèo đề nghị vay vốn được phê duyệt, bên cho vay gửi thông báo kết quả phê duyệt tới Tổ tiết kiệm và vay vốn và cùng với hộ vay lập Sổ tiết kiệm và vay vốn.

Sổ Tiết kiệm và vay vốn thay thế Hợp đồng vay vốn và kiêm sổ theo dõi tiền gửi tiết kiệm. Sổ Tiết kiệm và vay vốn có các điều khoản cam kết về cho vay, trả nợ và gửi tiết kiệm; có một sổ tiêu chí kê khai tình trạng sản xuất kinh doanh và khả năng tài chính của hộ vay vốn làm cơ sở để xác định mức cho vay. Khi vay, bên cho vay sẽ cấp Sổ Tiết kiệm và vay vốn cho hộ nghèo để sử dụng lâu dài cho nhiều lần vay, hết số trang ở sổ được đổi sổ khác. Mỗi hộ vay chỉ được cấp 01 sổ. Dư nợ trên Sổ Tiết kiệm và vay vốn ở mọi thời điểm không được vượt quá mức dư nợ cho vay tối đa do Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội qui định.

6. Bên cho vay cùng với Tổ tiết kiệm và vay vốn tổ chức giải ngân trực tiếp đến hộ nghèo tại trụ sở của bên cho vay hoặc tại địa điểm xã, phường, thị trấn mà bên cho vay đã thông báo.

Việc giải ngân được thực hiện theo quy định chung về nghiệp vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 13. Định kỳ hạn trả nợ gốc, thu lãi

Hộ nghèo vay vốn phải trả đầy đủ cả gốc và lãi theo đúng thời hạn đã cam kết.

1. Bên cho vay tổ chức việc thu nợ gốc trực tiếp tới từng hộ vay theo qui định sau:

a) Loại vay ngắn hạn nợ gốc được thu một lần khi đến hạn.

b) Loại vay trung hạn thì phân kỳ trả nợ. Kỳ trả nợ là 6 tháng hoặc 1 năm do bên cho vay và hộ vay thỏa thuận.

2. Việc thu lãi được thực hiện như sau:

a. Hình thức thu: có hai hình thức

- Thu gốc đến đâu thu lãi đến đó (cùng 1 lần).
- Thu lãi theo định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý do hai bên thỏa thuận.

b. Đối với khoản nợ trong hạn, thực hiện thu nợ định kỳ hàng tháng hoặc quý trên số dư nợ theo thỏa thuận giữa bên cho vay và hộ vay. Những khoản vay từ 6 tháng trở xuống thu lãi và gốc một lần khi đến hạn. Lãi chưa thu được của kỳ trước chuyển sang thu vào kỳ hạn kế tiếp.

c. Các khoản nợ quá hạn thu gốc đến đâu thu lãi đến đó. Riêng các khoản nợ khó đòi ưu tiên thu gốc trước, thu lãi sau. Số lãi chưa thu được hạch toán ngoại bảng để có kế hoạch thu sát với thực tế.

d. Việc tổ chức thu lãi do bên cho vay lựa chọn một trong hai cách là: tổ chức thu trực tiếp hoặc ủy nhiệm cho Tổ tiết kiệm và vay vốn thu. Nếu bên cho vay ủy nhiệm cho Tổ tiết kiệm và vay vốn thu lãi thì phải ký kết văn bản thỏa thuận giữa hai bên. Việc ủy nhiệm do bên cho vay quyết định, căn cứ vào các điều kiện sau:

- Tổ tiết kiệm và vay vốn được thành lập và hoạt động theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Mức độ tín nhiệm của bên cho vay với Tổ tiết kiệm và vay vốn.

3. Qui trình thu nợ, thu lãi trực tiếp hay thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn được thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 14. Xử lý nợ đến hạn

1. Cho vay lưu vụ

Việc cho vay lưu vụ chỉ áp dụng đối với các khoản vay ngắn hạn bao gồm các ngành nghề sản xuất, kinh doanh có chu kỳ tiếp theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh trước.

a. Điều kiện cho vay lưu vụ:

- Khoản vay đã đến hạn trả nhưng hộ vay vẫn còn nhu cầu vay vốn cho chu kỳ sản xuất, kinh doanh tiếp theo.

- Phương án đang vay có hiệu quả.

- Hộ vay trả đủ số lãi còn nợ của khoản vay trước và chưa thoát nghèo.

b. Mức cho vay lưu vụ tối đa không quá số dư nợ còn lại trên Sổ Tiết kiệm và vay vốn tính đến ngày cho vay lưu vụ.

c. Thời hạn cho vay lưu vụ là thời hạn của chu kỳ sản xuất, kinh doanh tiếp theo nhưng tối đa không quá thời hạn cho vay đã ghi trong sổ tiết kiệm và vay vốn.

d. Lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất hiện hành tại thời điểm cho vay lưu vụ.

Khi có nhu cầu vay lưu vụ, hộ nghèo làm giấy đề nghị vay lưu vụ gửi bên cho vay, trước 5 ngày đến hạn trả cuối cùng. Các thủ tục khác không phải lập lại. Bên cho vay không phải thực hiện hạch toán giả cho vay, giả thu nợ.

Mọi trường hợp cho vay lưu vụ, bên cho vay phải ghi đầy đủ các yếu tố qui định vào cả Sổ Tiết kiệm và vay vốn lưu tại bên cho vay và sổ của hộ vay giữ.

2. Điều chỉnh kỳ hạn nợ

Trường hợp hộ vay có khó khăn, chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn đã thỏa thuận ghi trong Sổ Tiết kiệm và vay vốn vì lý do: chưa kết thúc chu kỳ sản xuất, kinh doanh; chưa tiêu thụ được sản phẩm hoặc hộ vay gặp khó khăn về tài chính tạm thời và có giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, thì bên cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.

3. Gia hạn nợ

a. Trường hợp hộ vay không trả nợ đúng hạn do thiên tai, dịch bệnh hoặc những nguyên nhân khách quan khác, đã được bên cho vay kiểm tra xác nhận và có giấy đề nghị gia hạn nợ, thì bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

b. Thời gian cho gia hạn nợ: Bên cho vay có thể thực hiện việc gia hạn nợ một hay nhiều lần đối với một khoản vay nhưng tổng số thời gian cho gia hạn nợ không quá 12 tháng đối với loại cho vay ngắn hạn và không quá nửa thời gian cho vay ghi trên sổ tiết kiệm và vay vốn đối với loại cho vay trung hạn.

c. Trường hợp hộ vay có nhu cầu gia hạn nợ vượt thời gian gia hạn nợ tối đa nêu trên do nguyên nhân khách quan thì Thủ trưởng bên cho vay xem xét, quyết định.

4. Chuyển nợ quá hạn:

a. Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:

- Hộ vay sử dụng vốn sai mục đích.

- Hộ vay có khả năng trả khoản nợ đến hạn nhưng không trả hoặc đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng mà hộ vay không được gia hạn nợ thì bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

b. Sau khi chuyển sang nợ quá hạn, bên cho vay thực hiện các biện pháp thu hồi nợ.

5. Thủ tục điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ.

a. Trước khi đến hạn trả nợ 10 ngày, bên cho vay thông báo cho hộ vay biết số tiền, ngày đến hạn trả nợ.

b. Trường hợp hộ vay có nhu cầu gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì viết giấy đề nghị gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gửi bên cho vay trước hạn trả nợ 5 ngày.

c. Cán bộ tín dụng kiểm tra, xác minh và ghi ý kiến vào giấy đề nghị gia hạn nợ, giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ để trình lãnh đạo.

d. Thủ trưởng bên cho vay xem xét, quyết định cho gia hạn nợ hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo chế độ qui định.

e. Các trường hợp điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ đều phải ghi bổ sung vào sổ tiết kiệm và vay vốn lưu tại bên cho vay và sổ của hộ vay giữ.

Điều 15. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Hộ vay không trả được nợ vì những nguyên nhân khách quan như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chính sách Nhà nước thay đổi, biến động giá cả thị trường không có lợi cho hộ vay được giải quyết như sau:

a. Trường hợp xảy ra trên diện rộng, việc xử lý rủi ro thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b. Trường hợp xảy ra ở diện đơn lẻ, cục bộ được cho gia hạn nợ, giãn nợ hoặc xử lý từ Quỹ dự phòng rủi ro trích từ nguồn vốn của địa phương và thực hiện theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Những thiệt hại do nguyên nhân chủ quan của hộ vay, của tổ chức nhận ủy thác hoặc do cán bộ, viên chức của bên cho vay gây ra thì các đối tượng nào gây thiệt hại phải bồi thường và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Kiểm tra vốn vay

Việc kiểm tra, kiểm soát vốn vay được thực hiện như sau:

1. Kiểm tra trước khi cho vay: được thực hiện từ cơ sở thông qua khâu bình xét, lập danh sách hộ nghèo vay vốn do Tổ tiết kiệm và vay vốn và Ủy ban nhân dân

cấp xã thực hiện. Khi nhận được hồ sơ vay vốn, cán bộ cho vay kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, điều kiện vay vốn, đối tượng vay vốn theo quy định tại Quy chế này.

2. Kiểm tra trong khi cho vay: kiểm tra việc giải ngân phải đúng tên hộ nghèo trong danh sách đã được phê duyệt.

3. Kiểm tra sau khi cho vay:

a. Bên cho vay thực hiện việc kiểm tra sử dụng vốn vay theo định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết, thực hiện việc đối chiếu nợ công khai ít nhất một năm một lần.

b. Ban đại diện Hội đồng quản trị Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp tổ chức các đợt kiểm tra cơ sở theo định kỳ và đột xuất, ít nhất một năm một lần.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Đối với hộ nghèo vay vốn:

a. Có quyền trả nợ trước hạn và từ chối các yêu cầu của bên cho vay trái với quy định tại Quy chế này.

b. Có nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi) đầy đủ, kịp thời; phải kê khai đầy đủ, trung thực các thông tin liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đã cung cấp; thực hiện đầy đủ các cam kết ghi trong hồ sơ vay vốn.

2. Đối với bên cho vay:

a. Có quyền từ chối yêu cầu vay vốn của hộ nghèo và trái với quy định tại văn bản này và yêu cầu hộ vay trả nợ trước hạn nếu phát hiện hộ sử dụng vốn vay sai mục đích.

b. Có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ hồ sơ tín dụng theo quy định tại văn bản này.

Điều 18. Quy định về trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi được trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để bù đắp những tổn thất thiệt hại khi cho vay do nguyên nhân khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chính sách Nhà nước thay đổi hoặc biến động giá cả thị trường... Mức trích dự phòng rủi ro tín dụng được xác định bằng 0,02% trên dư nợ bình quân năm.

Điều 19. Quản lý nguồn thu lãi cho vay và chi phí quản lý

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi trực tiếp quản lý các khoản thu lãi cho vay và thực hiện chi phí quản lý như sau:

1. Trả phí dịch vụ ủy thác cho các Tổ chức Chính trị xã hội làm dịch vụ ủy thác là 0,08%/tháng tính trên dư nợ có thu được lãi.

2. Chi hoa hồng cho Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn không quá 0,1%/tháng tính trên dư nợ có thu được lãi.

3. Chi phí quản lý công vụ, mua sắm trang thiết bị... phục vụ hoạt động cho vay hộ nghèo của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội là 0,4%/ dư nợ có thu được lãi.

4. Phần lãi còn lại dùng để trang trải chi phí hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, khen thưởng cho những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động cho hộ nghèo vay vốn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi

1. Chịu trách nhiệm quản lý nguồn vốn an toàn và bảo tồn nguồn vốn; cho vay đúng đối tượng, hiệu quả; sử dụng tiền lãi cho vay đúng mục đích và tiết kiệm.

2. Định kỳ 6 tháng, năm Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo kết quả việc quản lý và sử dụng nguồn vốn cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3. Thực hiện ủy thác cho vay hộ nghèo theo quy định hiện hành.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong tỉnh; Chi nhánh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung tại Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh phải kịp thời báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh) để sửa đổi bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Huế